



BẢN TIN

KINH TẾ | TÀI CHÍNH | TIỀN TỆ

6 tháng đầu năm 2026



Kinh tế Việt Nam nửa đầu năm 2026 bứt phá mạnh mẽ, tiếp tục là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực ASEAN

Nhu cầu vay vốn của nhóm khách hàng tổ chức kinh tế đã vượt qua nhóm khách hàng cá nhân để trở thành động lực chính của tăng trưởng tín dụng

Nhiều tổ chức uy tín hạ nhẹ dự báo tăng trưởng GDP và nâng dự báo lạm phát toàn cầu trong kỳ cập nhật giữa năm 2026

Lộ trình chính sách tiền tệ toàn cầu nửa đầu năm 2026 dần chuyển dịch sang trạng thái thận trọng cao độ

LƯU HÀNH NỘI BỘ



<https://vnba.org.vn/>



(024) 382 187 33



HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM
VIETNAM BANK'S ASSOCIATION

THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

6 tháng đầu năm 2026

CÁC THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam

- Kinh tế Việt Nam trong nửa đầu năm 2026 bứt phá mạnh mẽ, tiếp tục là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực ASEAN;
- Việt Nam khẳng định vị thế là điểm đến đầu tư an toàn và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư dòng vốn thế hệ mới;
- CPI bình quân quý II/2026 tăng 5,25% yoy - vượt mức mục tiêu 4,5%;
- Thanh khoản hệ thống thu hẹp nhẹ nhưng nhìn chung vẫn duy trì ở trạng thái "tốt" và sẽ cải thiện trong quý III/2026;
- Lãi suất liên ngân hàng nhiều nhịp biến động mạnh trong quý II/2026;
- Nhu cầu vay vốn của nhóm khách hàng tổ chức kinh tế đã vượt qua nhóm khách hàng cá nhân để trở thành động lực chính của tăng trưởng tín dụng;
- Lợi nhuận toàn Ngành được dự báo tăng trung bình khoảng 15% - 18% trong năm 2026.

Kinh tế - tài chính thế giới

- Nhiều tổ chức uy tín hạ nhẹ dự báo tăng trưởng GDP và nâng dự báo lạm phát toàn cầu trong kỳ cập nhật giữa năm 2026.
- Tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2026 được dự báo chậm lại;
- Hoạt động đầu tư toàn cầu duy trì xu thế phân mảnh địa chính trị, FDI có xu hướng rút dần khỏi các thị trường truyền thống;
- Các nền kinh tế lớn đang dần hồi phục và ổn định trở lại;
- Lộ trình chính sách tiền tệ toàn cầu trong nửa đầu năm 2026 dần chuyển dịch sang trạng thái thận trọng cao độ;
- Giá hàng hóa toàn cầu đang hạ nhiệt mạnh mẽ khi các căng thẳng địa chính trị dịu bớt.

THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

A. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

1. Tăng trưởng và lạm phát toàn cầu

Do tác động kéo dài của cuộc khủng hoảng năng lượng và môi trường lãi suất thắt chặt, nhiều tổ chức uy tín đồng loạt điều chỉnh hạ nhẹ dự báo tăng trưởng GDP và nâng dự báo lạm phát toàn cầu trong kỳ cập nhật giữa năm 2026.

Dự báo tăng trưởng và lạm phát toàn cầu 2026

Tổ chức	Thời điểm cập nhật	GDP (%)	Lạm phát (%)	Điểm nhấn chính
IMF	15/6/2026	2,8% - 3,2%	~4,0% (Khối G20)	Nhóm nhập khẩu năng lượng và các nước thâm hụt tài khóa lớn sẽ chịu tổn thương nặng nề nhất.
OECD	Đầu tháng 6/2026	2,8%	4,0% (Khối G20)	Sức cầu tiêu dùng yếu và chi phí sinh hoạt cao đẩy Chi số niềm tin tiêu dùng xuống các mức rất thấp.
LHQ (UN DESA)	Giữa năm 2026	2,5%	3,9%	Dự báo tăng trưởng giảm 0,2 điểm % và lạm phát tăng 0,8 điểm % so với dự báo hồi tháng 1/2026.
S&P Global	Cuối tháng 6/2026	2,5% - 2,7%	3,0% - 3,5%	Cục diện vĩ mô là cuộc "kéo co" giữa sự gián đoạn eo biển Hormuz và bùng nổ đầu tư hạ tầng AI.
Fitch Ratings	26/6/2026	2,4%	3,1% (Eurozone) / 3,7% (Mỹ)	Hạ 0,2 điểm % dự báo tăng trưởng thế giới do thời gian phong tỏa Hormuz lâu hơn dự kiến (14 tuần so với dự báo đưa ra 2 tháng trước).

Nguồn: IMF, OECD, UN, S&P Global, Fitch Ratings; VNBA tổng hợp

2. Thương mại và đầu tư toàn cầu

Thương mại hàng hóa phục hồi nhờ làn sóng công nghệ: Tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2026 được dự báo đạt khoảng 2,7% (theo LHQ) hoặc 3,1% (theo OECD), chậm lại so với mức đỉnh 5,0% của năm 2025 (năm ghi nhận hoạt động gom hàng xuất khẩu trước các sắc thuế của Mỹ). Trọng tâm tăng trưởng thuộc về khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nhờ cấu trúc xuất khẩu thiết bị ICT và cấu kiện bán dẫn bùng nổ. Doanh số bán chip bán dẫn toàn cầu tăng gần 40%, đạt mức xấp xỉ 100 tỷ USD ngay trong Quý I/2026 (so với mức 57,5 tỷ USD của Quý 4/2025) và xu thế vẫn đang diễn ra tích cực.

Dòng vốn đầu tư FDI dịch chuyển sâu sắc: Hoạt động đầu tư toàn cầu duy trì xu thế phân mảnh địa chính trị (fragmentation). Các dòng vốn FDI có xu hướng rút dần khỏi các thị trường truyền thống và tập trung mạnh vào các liên minh an toàn (friend-shoring) hoặc các trung tâm phân phối mới như Mexico, Brazil và khối ASEAN. Trái lại, dòng vốn đầu tư gián tiếp (portfolio flows) vào các thị trường mới nổi chịu áp lực đảo chiều rút ròng trong Quý II/2026 do mặt bằng lãi suất Mỹ neo ở mức cao.

3. Triển vọng các nền kinh tế lớn

Mỹ: Tăng trưởng tích cực, lạm phát còn dai dẳng



Nguồn: Tradingeconomics

GDP Quý I/2026 tăng trưởng 2,1% (yoy), được hiệu chỉnh tăng mạnh so với mức 1,6% (điều chỉnh lần thứ hai) nhờ đóng góp tích cực từ đầu tư tài sản cố định tư nhân (+7,9%), trong đó đầu tư thiết bị ICT tăng tới 15,8% và sản phẩm trí tuệ nhân tạo tăng 13,8%. Dự báo GDP quý II/2026 của Mỹ đạt 1,1% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá PCE toàn phần tháng 5 tăng 0,4% so với tháng trước, đẩy lạm phát toàn phần tăng ba tháng liên tiếp lên 4,1% (yoy). Chỉ số PCE lõi tăng 3,4% (yoy) – mức cao nhất kể từ tháng

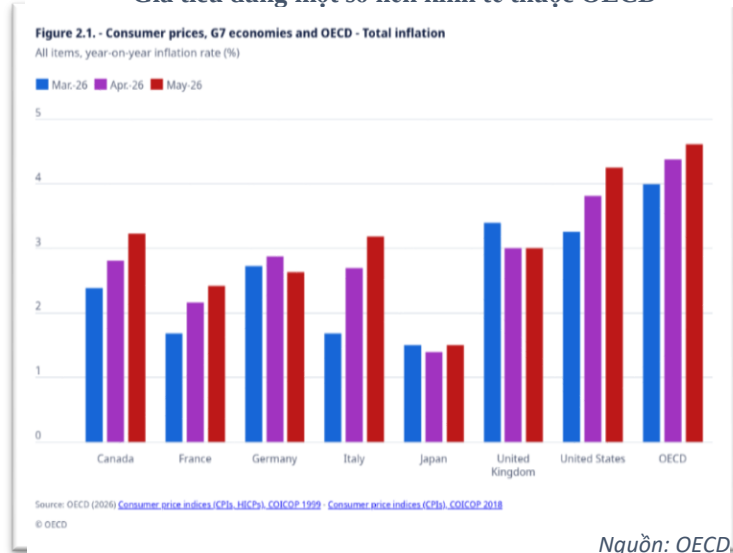
10/2023, cho thấy áp lực giá trong nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng chưa chấm dứt.

Tỷ lệ thất nghiệp tháng 6/2026 giảm nhẹ xuống 4,2% do lực lượng lao động co hẹp (tỷ lệ tham gia giảm xuống 61,5%). Thu nhập cá nhân tháng 5 tăng mạnh 0,7% nhờ gói cứu trợ nông nghiệp khẩn cấp.

Khu vực Euro: Hoạt động kinh tế dần ổn định, áp lực chi phí hạ nhiệt

GDP Quý 1/2026 của khu vực Euro giảm nhẹ 0,2% so với quý trước do số liệu biến động kỹ thuật từ Ireland (nếu loại trừ Ireland, GDP thực tế của khối tăng trưởng dương 0,3%). Dự báo GDP quý II/2026, GDP khu vực trở lại tăng trưởng dương với mức 0,1% yoy.

Giá tiêu dùng một số nền kinh tế thuộc OECD



CPI sơ bộ tháng 6/2026 hạ nhiệt rõ rệt xuống còn 2,8% so với cùng kỳ (thấp hơn dự báo 3,0% và giảm mạnh từ mức 3,2% của tháng 5). Lạm phát năng lượng giảm từ 10,8% xuống 8,7%, lạm phát lõi giảm từ 2,6% xuống 2,4%.

Tỷ lệ thất nghiệp tháng 5 duy trì ở mức thấp lịch sử 6,2%. Số người thất nghiệp giảm 55.000 người xuống mức thấp nhất trong gần 1,5 năm qua.

Chỉ số PMI tổng hợp sơ bộ (tháng 6/2026) hồi phục lên 50,0 điểm (từ mức 48,5 của tháng 5) - chấm dứt hai tháng suy giảm liên tiếp nhờ đã giảm áp lực giá năng lượng sau khi thỏa thuận

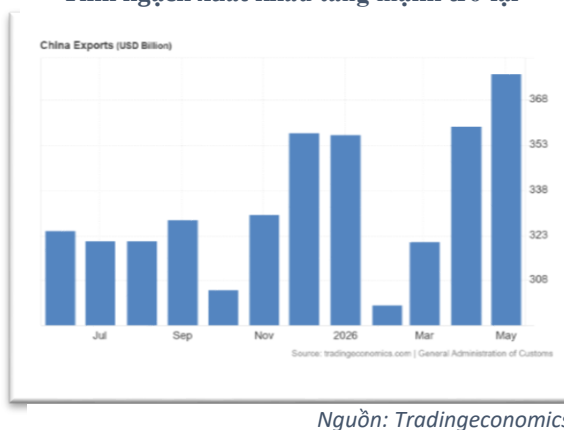
ngừng bắn Mỹ - Iran được thực thi cho thấy tình hình sản xuất, kinh doanh đang phục hồi dần.

Trung Quốc: Ngoại thương lập kỷ lục mới, tổng cầu nội địa phân hóa

Điểm nổi bật là thặng dư thương mại hàng hóa hiện đạt 187,9 tỷ USD nhờ kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh 14,6% lên trên 1.000 tỷ USD. Năng lực sản xuất nội địa vượt xa nhu cầu tiêu dùng buộc các nhà sản xuất tiếp tục dựa vào thị trường quốc tế.

Chỉ số PMI sản xuất chính thức của Cục Thống kê Trung Quốc (NBS) công bố tháng 6/2026 tăng lên 50,3 điểm (vượt dự báo 50,1), ghi nhận tháng thứ ba mở rộng liên tiếp nhờ xuất khẩu công nghệ cao hỗ trợ AI. Chỉ số phi sản xuất (dịch vụ và xây dựng) đạt 50,2 điểm. Dù vậy, đầu tư tài sản cố định (FAI) 5 tháng đầu năm sụt giảm 4,1% do mảng địa ốc sụt giảm mạnh 16,2%.

Kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh trở lại

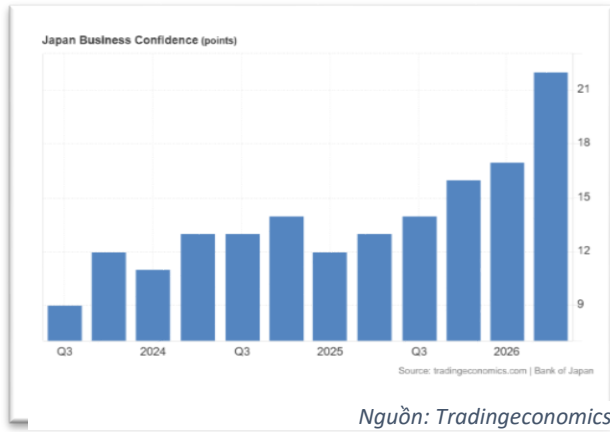


Trong quý I/2026, Trung Quốc đạt mức tăng trưởng GDP 1,3% yoy, dự báo trong quý II này, GDP có thể đạt 1%.

Nhật Bản: Niềm tin sản xuất cao nhất 8 năm, đồng Yên chạm đáy 40 năm

GDP của Nhật Bản tăng 0,5% quý I/2026 so với quý trước, tăng tốc so với mức tăng 0,2% trong quý 4/2025. Dự báo sang quý II/2026, con số này ở mức 0,3%.

Chỉ số Niềm tin kinh doanh lên cao



Chỉ số Tankan Quý II/2026 của NHTW Nhật (BOJ) đối với các nhà sản xuất lớn tăng mạnh lên 22 điểm (vượt xa mức 17 của Quý I và dự báo 16), đạt mức cao nhất kể từ Quý I/2018 cho thấy niềm tin kinh doanh của giới doanh nhân đang lên. Các doanh nghiệp dự kiến tăng chi tiêu vốn (capex) lên tới 11,5%.

Chỉ số PMI tổng hợp tháng 6/2026 được điều chỉnh tăng lên 52,8 điểm (PMI sản xuất đạt 54,8 điểm, PMI dịch vụ đạt 52,2 điểm). Tăng trưởng việc làm trong ngành chế tạo đạt tốc độ nhanh nhất trong hơn 8 năm.

Xuất khẩu tháng 5 tăng mạnh 17,0% so với cùng kỳ (đỉnh 3,5 năm), trong khi nhập khẩu tăng 12,5% cho thấy hoạt động ngoại thương đang phục hồi mạnh. Tuy nhiên, do chênh lệch lãi suất, đồng Yên tính đến tháng 6/2026 đã trượt quá ngưỡng 161 - 162,5 JPY/USD - chạm mức yếu nhất kể từ năm 1986.

ASEAN: Duy trì đà tăng trưởng ổn định

Kinh tế ASEAN trong 6 tháng đầu năm 2026 thể hiện sự bền bỉ, duy trì được đà tăng trưởng ổn định bất chấp hàng loạt cú sốc địa chính trị toàn cầu.

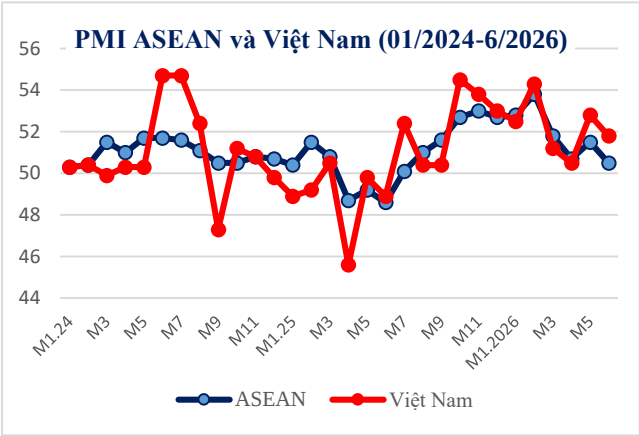
Để bù đắp cho chi phí trợ cấp năng lượng đang mở rộng, các chính phủ ASEAN triển khai các biện pháp tái cơ cấu quyết liệt

Quốc gia	Biện pháp tái cơ cấu	Giải pháp dài hạn
Indonesia	Mục tiêu tiết kiệm 100 nghìn tỷ IDR: Giảm chương trình suất ăn dinh dưỡng miễn phí từ 6 xuống 5 ngày/tuần; cắt giảm chi phí hội họp, công tác phi từ thiện.	Quản lý xuất khẩu khoáng sản, chống gian lận hóa đơn (under-invoicing).
Malaysia	Chỉ thị các bộ, ngành tái cơ cấu chi tiêu thường xuyên để tiết kiệm 10 tỷ MYR (trong đó Bộ Y tế cắt giảm 3 tỷ MYR, Bộ Đại học cắt giảm 2,4 tỷ MYR).	Giảm hạn ngạch tiêu thụ xăng RON95 được trợ cấp hàng tháng từ 300 lít xuống 200 lít cho mỗi đầu xe.
Philippines	Cắt giảm bắt buộc 20% chi phí vận hành phi thiết yếu (MOOE) ở tất cả các cơ quan trung ương và địa phương để tạo gói giải cứu đầu khí trị giá 238 tỷ PHP.	Đình chỉ tạm thời thuế tiêu thụ đặc biệt (excise taxes) đối với dầu hỏa và khí hóa lỏng (LPG).
Thái Lan	Dự kiến ban hành Đạo luật chuyển ngân sách để thu hồi vốn chưa sử dụng từ các cơ quan và cắt giảm ngân sách công tác nước ngoài.	Thông qua sắc lệnh vay khẩn cấp 400 tỷ THB (2,0% GDP) chia đều cho cứu trợ tiêu dùng ngắn hạn và chuyển dịch cơ cấu năng lượng sạch.

Nguồn: AMRO

Những động lực chính là (1) Sức bật từ làn sóng AI và Công nghệ. Nhu cầu toàn cầu bùng nổ đối với phần cứng AI và linh kiện điện tử là bệ phóng lớn cho xuất khẩu của các nước như Singapore, Malaysia và Việt Nam; (2) Dòng vốn FDI tiếp tục ổn định: Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu tái cấu trúc, khu vực ASEAN tiếp tục đón dòng vốn lớn hướng về các mảng dịch chuyển năng lượng, sản xuất và chuyển đổi số; và (3) Cầu nội địa vững chắc: Chi tiêu tiêu dùng tư nhân ổn định và sự phục hồi mạnh mẽ của ngành du lịch (với lượng khách quốc tế quay lại mức trước đại dịch) là trụ đỡ quan trọng giúp bù đắp phần nào cho các khó khăn từ bên ngoài.

Mặc dù duy trì được quỹ đạo tăng trưởng khoảng 4,0% – 4,6% (theo AMRO, tháng 6/2026), kinh tế ASEAN bắt đầu bộc lộ các dấu hiệu căng thẳng vào cuối quý II/2026 khi áp lực lạm phát và chuỗi cung ứng do xung đột kéo dài tại Trung Đông làm tăng mạnh chi phí logistics và giá năng lượng.



Nguồn: S&P Global, VNBA tổng hợp

Chỉ số PMI sản xuất toàn vùng của S&P Global đã giảm xuống mức 50,5 điểm trong tháng 6/2026, cho thấy đà mở rộng sản xuất, chế tạo đang chậm lại đáng kể. Rủi ro chính sách thương mại do chính sách thuế quan từ phía Mỹ tạo áp lực tâm lý lớn cho các quốc gia định hướng xuất khẩu trong khu vực. Bên cạnh đó là tình trạng thâm hụt tài khóa do chi phí trợ giá nhiên liệu gia tăng cùng hiệu suất thu ngân sách từ tài nguyên giảm đang bắt đầu gây áp lực lên ngân sách quốc gia của một số thành viên.

4. Động thái chính sách các NHTW lớn

Trong bối cảnh lạm phát toàn cầu dai dẳng kết hợp với các cú sốc nguồn cung khiến lộ trình chính sách tiền tệ toàn cầu trong nửa đầu năm 2026 dần chuyển dịch sang trạng thái thận trọng cao độ, đỉnh điểm là vào giữa tháng 6 trước khi hạ nhiệt nhẹ vào đầu tháng 7/2026.

Tổng hợp các động thái chính sách của một số NHTW lớn trong quý II/2026

NHTW	Quyết định trong các cuộc họp Quý II/2026	Lãi suất điều hành áp dụng (đến 03/7/2026)	Thông điệp / Chủ đạo chính sách nổi bật	Nhận định lập trường chính sách
Fed	Giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 6 đầu tiên dưới thời Kevin Warsh).	3,50% - 3,75%	Ngừng hẳn chương trình thắt chặt định lượng (QT) đối với trái phiếu Chính phủ từ cuối năm ngoái; duy trì mua trái phiếu ngắn hạn (T-bills) khoảng 25 tỷ USD/tháng. Fed nâng mạnh dự báo lạm phát PCE năm 2026 lên 3,6%.	Thận trọng - Điều hậu: Trì hoãn hoàn toàn các kế hoạch hạ lãi suất trong năm 2026; biểu đồ dot-plot ám chỉ khả năng có thể tăng lãi suất vào cuối năm nếu lạm phát dịch vụ không hạ nhiệt.
BoJ	Tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản trong cuộc họp tháng 6/2026.	Lãi suất ngắn hạn chủ chốt: 1,00%	Đợt nâng lãi suất lên mức cao nhất kể từ tháng 9/1995 nhằm đối phó với xu hướng mất giá của đồng Yên và lạm phát chi phí đẩy. BoJ công bố lộ trình giảm mua trái phiếu JGB ở mức 200 tỷ JPY/quý cho đến Quý 1/2027.	Điều hậu (Hawkish outlier): Thành viên hội đồng Naoki Tamura phát tín hiệu mạnh mẽ về việc cần tiếp tục tăng lãi suất định kỳ mỗi vài tháng để đưa lãi suất về mức trung tính 2,0%.
ECB	Tăng 25 điểm cơ bản trong cuộc họp ngày 11/06.	Lãi suất tiền gửi: 2,25%; Lãi suất tái cấp vốn: 2,40%.	Đây là đợt tăng lãi suất đầu tiên kể từ tháng 9/2023 nhằm phòng ngừa rủi ro truyền dẫn của cú sốc năng lượng. Sang đầu tháng 7, Chủ tịch Lagarde nhận định rủi ro lạm phát đã cân bằng hơn nhờ giá dầu giảm.	Chờ đợi và đánh giá (Wait-and-see): Đợt tăng tháng 6 mang tính chất "mua bảo hiểm" (insurance hike) để neo giữ kỳ vọng lạm phát; ECB sẽ tạm dừng tăng trong quý tới khi CPI tháng 6 giảm mạnh xuống 2,8%.
PBoC	Giữ nguyên lãi suất LPR; bổ sung công cụ thanh khoản qua đêm.	LPR 1 năm: 3,00%; LPR 5 năm: 3,50%	Bổ sung công cụ Repo đảo ngược qua đêm (Overnight Reverse Repo) với lãi suất 1,25% vào cuối tháng 6 nhằm tối ưu hóa khung điều hành lãi suất ngắn hạn và bơm tiền hỗ trợ liên ngân hàng.	Nói lỏng thận trọng: Tập trung hỗ trợ thanh khoản và hạn chế lợi suất trái phiếu dài hạn giảm sâu, thúc đẩy quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ.
BoE	Giữ nguyên lãi suất ở mức 3,75% trong cuộc họp tháng 6.	3,75%	Đã thực hiện tổng cộng 6 đợt giảm lãi suất (mỗi đợt 25bps) tính từ tháng 8/2024 trước khi tạm dừng trong Quý 2 do xung đột Trung Đông. Thống đốc Bailey nhấn mạnh không vội vã thắt chặt thêm do áp lực giá năng lượng đã hạ.	Trung lập: Giữ lãi suất ổn định trong nửa cuối năm 2026 trước khi có thể nới lại chu kỳ nói lỏng vào năm 2027 khi rủi ro lạm phát dịch vụ dịu đi.
BoC (Canada)	Giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 6.	2,25%	Đã hoàn thành chu kỳ nới lỏng lớn với mức giảm tổng cộng 275 điểm cơ bản. BoC tuyên bố không vội vã đảo chiều tăng lãi suất do nền kinh tế còn tồn tại khoảng trống công suất (spare capacity).	Trung lập: Duy trì trạng thái giữ nguyên để hỗ trợ tiến trình phục hồi GDP Quý 2 và theo dõi cuộc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (USMCA).
RBA (Australia)	Giữ nguyên lãi suất ở mức 4,35% trong cuộc họp tháng 6.	4,35%	Quyết định dừng lại sau chuỗi chu kỳ tăng lãi suất 3 lần liên tiếp trước đó trong năm 2026. RBA nhận định các đợt thắt chặt phòng ngừa trước đó đã đủ tạo dư địa để theo dõi sát diễn biến tiêu dùng.	Trung lập - Thận trọng: Chu kỳ tăng lãi suất cơ bản đã kết thúc; RBA sẽ giữ nguyên mức lãi suất thắt chặt này cho đến cuối năm.
SNB (Thụy Sĩ)	Giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 6.	0,00%	Đã hoàn thành chu kỳ nới lỏng lũy kế 175 điểm cơ bản. SNB nâng nhẹ dự báo lạm phát cuối năm 2026 lên 0,8% (từ mức 0,6%) và khẳng định sẵn sàng can thiệp thị trường ngoại hối nếu đồng Franc tăng giá quá mức.	Trung lập: Từ bỏ định hướng đưa lãi suất về mức âm; giữ nguyên lãi suất 0% do tăng trưởng kinh tế Thụy Sĩ còn yếu.

VNBA tổng hợp

Có thể thấy bức tranh chính sách tiền tệ toàn cầu trong nửa đầu 2026 là sự phân kỳ chính sách sâu sắc và quan điểm thận trọng trước những rủi ro khó lường từ những diễn biến địa chính trị. Trong 6 tháng cuối năm, xu hướng chủ đạo trên toàn cầu về chính sách tiền tệ sẽ là "Neo giữ lãi suất" và các động thái nới lỏng (cắt

giảm lãi suất) diện rộng gần như bị loại trừ hoàn toàn khỏi các kịch bản cơ sở. Nếu có biến động, rủi ro sẽ nghiêng về phía thắt chặt cục bộ tại một số khu vực hơn là nới lỏng.

5. Diễn biến các thị trường tài chính

Thị trường ngoại hối lớn

Sức mạnh của đồng USD duy trì ở mức rất cao nhờ tăng trưởng kinh tế Mỹ hiệu chỉnh tích cực và thông điệp điều hòa từ Fed. Chỉ số DXY tăng liên tục 2,3% trong tháng 6 (sau khi đã tăng 0,9% trong tháng 5), đóng cửa tuần ở mức 101,15 điểm – mức cao nhất kể từ tháng 3/2025.

Đồng Yên Nhật cán mốc lịch sử mới. Mặc dù BOJ đã tăng lãi suất lên mức 1,0%, chênh lệch lợi suất thực tế quá rộng so với Mỹ vẫn kích hoạt các lệnh bán khổng lồ JPY, đẩy tỷ giá USD/JPY vượt mức 162,53 – mức yếu nhất của đồng Yên kể từ năm 1986.

Đồng EURO chịu áp lực giảm rõ rệt so với USD, giao dịch đóng cửa tuần ở mức 1,1422 USD (giảm từ mức 1,1683 cuối tháng trước).

Đồng Nhân dân tệ (CNY) thể hiện sức chống chịu tương đối tốt hơn các đồng tiền châu Á khác khi chỉ giảm nhẹ về quanh mức 6,78 - 6,81 CNH/USD nhờ xuất khẩu nội địa và thặng dư cán cân vãng lai.

Thị trường trái phiếu

Kho bạc Mỹ (US Treasuries): Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ giảm nhẹ khoảng 7 điểm cơ bản trong tuần cuối tháng 6, đóng cửa ở mức 4,39% - 4,48% sau khi báo cáo việc làm phi nông nghiệp tháng 6 công bố yếu hơn kỳ vọng, làm tiêu tan các lo ngại về việc Fed thắt chặt quá tay. Đường cong lợi suất kỳ hạn 10 năm và 2 năm duy trì trạng thái đảo ngược ở biên độ hẹp 34,4 điểm cơ bản.

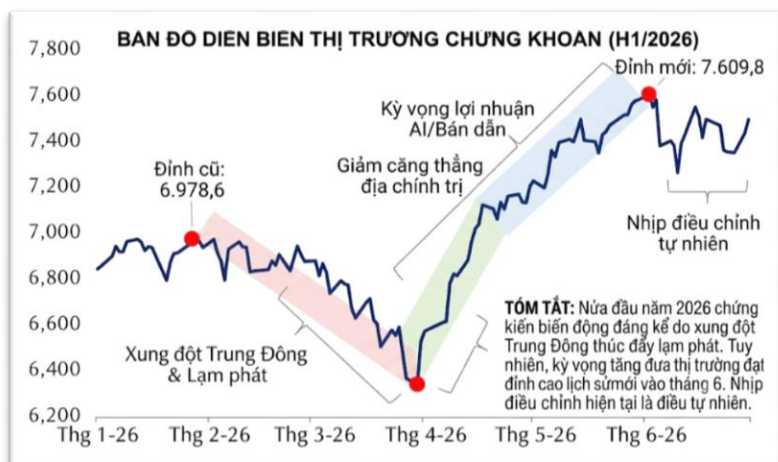
Trái phiếu Chính phủ Nhật Bản (JGB): Lợi suất JGB 10 năm leo mạnh lên mức 2,68% - 2,80% – mức cao nhất kể từ tháng 5/1997 do áp lực từ kế hoạch kích thích tài khóa dài hạn quy mô lớn (370 nghìn tỷ JPY đến năm 2040) của Chính phủ.

Ngược lại, lợi suất trái phiếu 10 năm của Trung Quốc nhích nhẹ lên 1,74% sau khi PBoC cắt giảm quy mô mua ròng trái phiếu trong tháng 6 xuống còn 10 tỷ CNY để ngăn chặn đầu cơ.

Thị trường chứng khoán

Nửa đầu năm 2026 là một giai đoạn đầy kịch tính của thị trường chứng khoán thế giới.

Chứng khoán Mỹ phân hóa và lập kỷ lục: Chỉ số Dow Jones tăng mạnh lên mức kỷ lục mới nhờ lực đỡ từ



Nguồn: S&P 500

các nhóm ngành truyền thống và tiêu dùng. S&P 500 tăng tổng cộng 1,8% và Nasdaq tăng 2,1% trong tuần cuối tháng 6 khi dòng vốn quay trở lại săn tìm các cổ phiếu kiểm soát chuỗi giá trị và nút thắt hạ tầng AI (như thiết bị quang học, hạ tầng lưới điện và làm mát trung tâm dữ liệu). Nhóm cổ phiếu Magnificent Seven ghi nhận hiệu suất H1 đạt -1,7% (lo ngại về độ hiệu quả của capex khổng lồ), đẩy mức định giá premium của nhóm này so với S&P 500 về mức thấp nhất kể từ cuối năm 2022, mở ra điểm vào kỹ thuật hấp dẫn.

Chứng khoán Châu Âu lập đỉnh lịch sử mới: Chỉ số Euro STOXX 50 tăng 0,9% lên 6.417 điểm; STOXX Europe 600 tăng lên 653 điểm nhờ kết quả kinh doanh quý tích cực của nhóm ngành tài chính và hạ tầng năng lượng (ASML tăng 3,7%, Siemens tăng 2,5%).

Chứng khoán Châu Á biến động mạnh: Chỉ số Nikkei 225 phục hồi 1,47% trong phiên cuối tuần lên 69.744 điểm. Tuy nhiên, tính chung cả tuần, nhóm cổ phiếu công nghệ Nhật Bản chịu áp lực bán tháo lớn (SoftBank Group giảm gần 13% do tin đồn OpenAI hoãn kế hoạch IPO sang năm 2027). Chỉ số Shanghai Composite tăng trưởng ổn định tuần qua lên 4.044 điểm nhờ số liệu PMI dịch vụ Caixin đạt mức tốt 54,1 điểm.

6. Thị trường hàng hóa toàn cầu

Nếu trong Quý I/2026, thị trường hàng hóa hoàn toàn bị chi phối bởi các cú sốc địa chính trị và tâm lý phòng vệ, đẩy nhiều mặt hàng lên mức cao kỷ lục thì ngược lại, sang Quý II cho đến đầu tháng 7/2026), thị trường lại chứng kiến một làn sóng hạ nhiệt mạnh mẽ khi các căng thẳng địa chính trị được xoa dịu và các yếu tố vĩ mô như lãi suất neo cao cùng đồng USD mạnh quay trở lại gây áp lực.

Diễn biến giá vàng 6 tháng đầu năm 2026



Nửa đầu năm 2026 sẽ đi vào lịch sử tài chính như một trong những chu kỳ biến động điên rồ nhất của mặt hàng Vàng. Do tâm lý lo ngại rủi ro địa chính trị và xu hướng phòng ngừa mất giá tiền tệ, dòng vốn đã ồ ạt chảy vào các quỹ ETF vàng. Giá vàng thế giới có thời điểm đã phá vỡ mọi dự đoán, tăng vượt mốc \$5,000/ounce, thậm chí chạm mức đỉnh giao dịch lên tới hơn \$5,400/ounce (28/01/2026).

Tuy nhiên, khi căng thẳng địa chính trị lắng xuống, làn sóng chốt lời diện rộng đã diễn ra trong Quý 2. Việc các ngân hàng trung ương (đặc biệt là Fed) duy trì quan điểm điều hâu về lãi suất cùng một đồng USD quá mạnh đã bẻ gãy đà tăng này. Chỉ tính riêng trong tháng 6/2026, chỉ số

giá vàng (như số liệu ghi nhận tại thị trường Việt Nam và quốc tế) đã sụt giảm mạnh mẽ khoảng 8,46% so với tháng trước đó, đưa giá vàng về sát mức thiết lập hồi đầu năm.

Diễn biến giá vàng 6 tháng đầu năm 2026



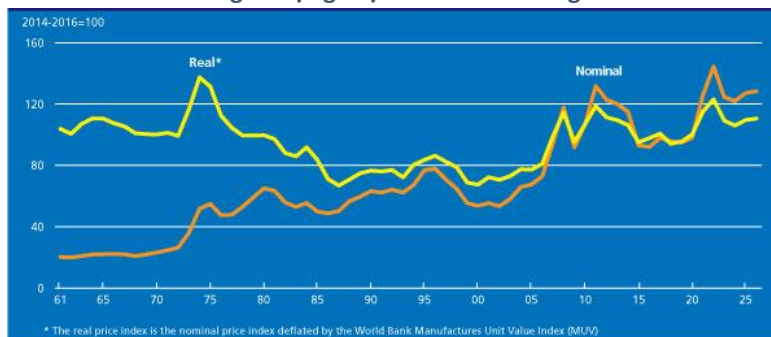
Thị trường dầu mỏ đã trải qua những tuần lễ nghẹt thở khi cuộc xung đột ở Trung Đông leo thang vào cuối tháng 2/2026, đẩy lên lo ngại về việc đóng cửa Eo biển Hormuz – nơi lưu thông của khoảng 20% lượng dầu tiêu thụ toàn cầu mỗi ngày. Giá dầu Brent đã có thời điểm bị đẩy vọt lên mức \$120/thùng vào tháng 4/2026. Nhưng bước sang Quý II, khi căng thẳng ngoại giao giữa Mỹ và Iran hạ nhiệt, nỗi lo gián đoạn nguồn cung giảm nhanh. Giá dầu Brent đã giảm tới 38% từ đỉnh, lùi sâu về sát vùng \$66 - \$70/thùng vào cuối tháng 6 và đầu tháng 7/2026.

Bên cạnh yếu tố địa chính trị, việc nguồn cung dầu thô toàn cầu (đặc biệt là từ các nước ngoài OPEC) dự báo tăng trưởng vượt mức tăng trưởng nhu cầu (vốn chỉ tăng khoảng 0,9 triệu thùng/ngày trong năm nay) cũng góp phần tạo áp lực giảm giá.

Về hàng hóa nông sản, sau giai đoạn tăng giá mạnh trước đó, nửa đầu năm 2026 chứng kiến nguồn cung nông sản hồi phục rõ rệt nhờ thời tiết thuận lợi tại các khu vực sản xuất và cung cấp hàng chủ lực.

Chỉ số giá thực phẩm của FAO* (FFPI) đạt trung bình 130,3 điểm trong tháng 6/2026, giảm 0,4 điểm (0,3%) so với tháng 5/2026. Sự tăng giá của dầu thực vật và thịt được bù đắp bởi sự giảm giá của đường, ngũ cốc và các sản phẩm từ sữa. So với cùng kỳ năm trước, FFPI cao hơn 2,2 điểm (1,7%) nhưng vẫn thấp hơn 29,9 điểm (18,7%) so với mức đỉnh đạt được vào tháng 3 năm 2022.

Diễn biến chỉ số giá lượng thực của FAO 6 tháng đầu năm 2026



Nguồn: FAO

Nhìn chung, chỉ số FFPI giữ trạng thái bình ổn ngắn hạn trong Quý II/2026. Tuy nhiên, chi phí phân bón amoniac (+59%) và urê (+39%) duy trì ở mức cao suốt thời gian bế tắc tại Trung Đông, nguy cơ một làn sóng lạm phát lương thực cấp có thể bùng phát vào chu kỳ thu hoạch cuối năm nay do độ trễ truyền dẫn chi phí vật tư nông nghiệp.

Tóm lại, trong nửa đầu năm 2026, kinh tế toàn cầu ghi nhận sự phục hồi của thương mại hàng hóa, động lực chính đến từ sự bùng nổ của chuỗi cung ứng công nghệ, thiết bị AI và cấu kiện bán dẫn. Dòng vốn đầu tư FDI tiếp tục xu hướng phân mảnh, dịch chuyển mạnh mẽ sang các "liên minh an toàn" và khu vực ASEAN. Tuy nhiên, hệ lụy từ xung đột địa chính trị tại Trung Đông và lạm phát dai dẳng đã buộc các Ngân hàng Trung ương lớn (như Fed, BoJ, ECB) phải duy trì lộ trình chính sách tiền tệ thận trọng cao độ. Sự giằng co này khiến thị trường tài chính, chứng khoán và hàng hóa (đặc biệt là vàng và dầu) trải qua nhiều chu kỳ biến động dữ dội.

Tốc độ tăng trưởng toàn cầu trong nửa cuối năm dự kiến sẽ có xu hướng chậm lại dưới sức ép của môi trường lãi suất neo cao. Lạm phát tổng thể có thể hạ nhiệt, nhưng rủi ro bùng phát lạm phát thứ cấp từ chi phí năng lượng, logistics và vật tư nông nghiệp vẫn hiện hữu vào chu kỳ thu hoạch cuối năm./

DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ

TUẦN 1 tháng 7 (29/6-03/7/2026)

Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	3.50%-3.75%	3.75%-4.00%	10/12/2025	30/07/2026
ECB	EURO Zone	2.25%	2.00%	11/06/2026	23/07/2026
BOJ	Nhật Bản	0.75%	0.50%	19/12/2025	31/07/2026
PBoC	Tr/Quốc	3.00%	3.10%	20/05/2025	Không T/báo
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/05/2026	11/08/2026
BoE	Anh	3.75%	4.00%	18/12/2025	30/07/2026
BOK	Hàn Quốc	2.50%	2.75%	29/05/2025	16/07/2026

Lợi tức trái phiếu chính phủ một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % từ đầu năm	+/_ % năm
United States	4.4900	0.10%	-0.01%	0.32%	0.14%
United Kingdom	4.7854	0.05%	-0.10%	0.31%	0.22%
Japan	2.7782	0.18%	0.10%	0.71%	1.34%
Australia	4.8020	0.08%	-0.12%	0.04%	0.61%
Germany	2.9323	0.08%	-0.09%	0.07%	0.37%
China	1.7410	-0.05%	0.02%	-0.12%	0.10%
Singapore	2.1396	0.13%	0.04%	-0.08%	0.08%
South Korea	4.1960	0.08%	-0.03%	0.81%	1.37%
Vietnam	4.5336	0.01%	0.06%	0.35%	1.19%
Indonesia	7.1530	-0.03%	0.33%	1.03%	0.56%

Thị trường hàng hóa thế giới

1. Năng lượng	Giá	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % từ đầu năm	+/_ % năm
Dầu thô USD/Bbl	68.764	-0.67%	-26.09%	19.76%	3.47%
Khí ga US\$/MMBtu	3.2438	-1.07%	-2.76%	-12.00%	-4.21%
Xăng USD/Gal	2.9509	4.42%	-2.88%	72.48%	39.40%
Than USD/T	128.80	2.22%	-12.71%	19.81%	17.14%
2. Kim loại quý					
Vàng USD/t.oz	4170.25	2.04%	-6.81%	-3.46%	25.04%
Bạc USD/t.oz	62.400	6.16%	-15.49%	-12.43%	68.92%
Lithium CNY/T	165250	8.36%	-1.78%	39.45%	165.25%
Platinum USD/t.oz	1653.50	0.38%	-12.97%	-20.12%	18.87%
3. Nông sản	Giá	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % từ đầu năm	+/_ % năm trước
Sữa USD/CWT	15.54	-3.06%	-3.54%	2.10%	-10.54%
Cao su S Cents/Kg	208.80	-0.95%	-10.92%	16.06%	27.39%
Coffee USD/Lbs	302.16	10.60%	22.26%	-13.36%	8.42%
Bông USD/Lbs	77.115	0.96%	-1.75%	19.99%	15.23%
Gạo USD/cwt	12.8050	-1.31%	2.19%	33.45%	1.52%
Đường USD/Lbs	14.81	2.07%	3.79%	-1.33%	-9.54%
Chè INR/Kgs	228.00	3.08%	7.00%	24.40%	11.36%
Ngô USD/BU	425.0000	2.47%	-1.51%	-3.46%	-1.56%

Tỷ giá USD với một số đồng tiền chủ chốt

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % Từ đầu năm	+/_ % năm
EURUSD	1.14357	0.46%	-1.50%	-2.60%	-2.84%
GBPUSD	1.33504	1.16%	-0.55%	-0.81%	-2.18%
AUDUSD	0.69386	0.63%	-2.74%	3.98%	6.00%
USDJPY	161.365	-0.23%	0.84%	2.94%	11.74%
USDCNY	6.78494	-0.29%	0.12%	-2.75%	-5.28%
USDCAD	1.41960	0.02%	2.07%	3.46%	4.46%
USDKRW	1529.24	-0.39%	-0.23%	6.15%	12.23%
DXV	100.857	-0.49%	1.45%	2.58%	4.01%
USDSGD	1.29187	-0.14%	0.56%	0.44%	1.39%

Chỉ số chứng khoán một số thị trường lớn

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 tuần	+/_ % 1 tháng	+/_ % sv đầu năm	+/_ % sv 1 năm	+/_ % sv 3 năm
Dow Jones	+1.97%	+4.00%	+10.06%	+18.01%	+55.94%
S&P 500	+1.76%	+1.35%	+9.32%	+19.17%	+69.63%
Nasdaq	+2.12%	+0.48%	+11.15%	+25.39%	+88.85%
DAX	+4.49%	+4.12%	+5.26%	+8.37%	+66.01%
FTSE 100	+1.63%	+3.00%	+7.53%	+21.04%	+46.68%
CAC 40	+1.47%	+3.53%	+4.40%	+10.55%	+20.13%
Nikkei 225	+0.15%	+4.74%	+38.55%	+75.19%	+112.81%
Shanghai	+0.41%	+0.39%	+1.88%	+16.45%	+26.14%
Hang Seng	+2.99%	-6.46%	-8.90%	-2.37%	+25.99%

4. Khoáng sản – Nông sản	Giá	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % Từ đầu năm	+/_ % năm
Đồng USD/Lbs	6.1694	0.41%	-5.25%	8.58%	22.95%
Thép CNY/T	3054.00	-0.33%	-3.08%	-1.36%	0.13%
Quặng sắt USD/T	734.00	-1.87%	-4.36%	-7.03%	-0.27%
Chì USD/T	1894.38	-0.72%	-6.24%	-5.53%	-8.25%
Nhôm USD/T	3093.30	-3.30%	-15.66%	3.25%	19.17%
Thiếc USD/T	50960	1.15%	-11.23%	25.65%	50.56%
Kẽm USD/T	3549.60	1.33%	-1.05%	13.71%	30.09%
Nickel USD/T	16360	-2.65%	-12.21%	-2.33%	7.21%

5. Nông sản – Thủy sản		Giá tuần này	Giá tuần trước	Ghi chú
Tiêu US\$/kg	Indonesia – Black Pepper	7.130	7.120	
	Brazil Black - Pepper ASTA 570	5.950	5.900	
	Ấn Độ - Garbled/Ungarbled	7.140 6.950	7.130 6.930	
Điều US\$/kg	Kunming/ Trung Quốc	1.465	1.450	
	Kolar/Ấn Độ	1.460	1.450	
	Vietnam (US\$/kg)	1.780	1.760	
Cá da trơn	Thái Lan (US\$/kg)	1.870	1.880	
Tôm chân trắng US\$/kg 30 con	Pradesh (Ấn Độ)	4.900	4.800	
	Đông Java (Indonesia)	4.800	4.750	

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing/ Tridge.com/ Ipscnet.org/giacaphe.vn/Vasep.com.vn; 04 /7/2026

B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

1. Kinh tế vĩ mô

1.1. Tăng trưởng và lạm phát

Nền kinh tế Việt Nam trong nửa đầu năm 2026 đã thể hiện khả năng phục hồi và bứt phá mạnh mẽ, vượt qua hầu hết các dự báo thận trọng trước đó của các tổ chức quốc tế. Động lực lớn nhất đến từ làn sóng công nghệ phần cứng AI toàn cầu và sự dịch chuyển dòng vốn đầu tư.

Tăng trưởng GDP tăng tốc qua từng quý:

-Quý I/2026: Đạt 7,94% giữa những biến động địa chính trị toàn cầu.

-Quý II/2026: Tăng tốc mạnh mẽ lên mức 8,39% nhờ sự bứt phá của khu vực công nghiệp và xây dựng (tăng 10,51%).

Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, tăng trưởng GDP đạt 8,18%, Việt Nam tiếp tục giữ vững vị trí là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực ASEAN.

Nhiều tổ chức tài chính lớn đã thực hiện các đợt điều chỉnh nâng dự báo tăng trưởng cả năm 2026 của Việt Nam.

Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam của các tổ chức quốc tế

Tổ chức	Dự báo GDP 2026	Dự báo CPI 2026	Thời điểm Công bố / Cập nhật
UOB	8,5% (Nâng mạnh từ mức 7,0%)	Xoay quanh 4,5%	Đầu tháng 7/2026 (Ngay sau số liệu H1)
ADB	7,2%	4,0%	Tháng 7/2026 (Bản cập nhật ADO)
Standard Chartered	7,2%	3,7%	Tháng 6/2026
AMRO	7,0%	-Không cụ thể	Quý II/2026
HSBC	6,7%	3,5%	Giữa năm 2026 (Duy trì góc nhìn ổn định)
World Bank	6,3%	Không công bố cụ thể	Quý II/2026
IMF	5,6%	Không công bố cụ thể	Quý II/2026

Nguồn: IMF, WB, ADB, HSBC, UOB, AMRO, Standard Chartered, VNBA tổng hợp

Có thể thấy dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 của Việt Nam hiện dao động phổ biến trong khoảng 6,3% – 8,5% (với mức đồng thuận trung vị khoảng 7,2% – 7,5%). Các tổ chức đều đánh giá lạm phát quý III và IV năm nay sẽ bớt căng thẳng hơn nhờ sự chủ động phối hợp giữa chính sách tiền tệ và tài khóa của Chính phủ, giúp Việt Nam tiếp tục là thời nam châm hút vốn đầu tư hàng đầu khu vực trong năm nay.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ THÁNG 06/2026 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC (%)						
	T1	T2	T3	T4	T5	T6
Chỉ số sản xuất công nghiệp	21,5%	0,6%	7,2%	9,9%	8,8%	12,7%
Khách quốc tế đến Việt Nam	18,5%	17,7%	1,3%	22,8%	16,5%	14,7%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	9,3%	8,5%	12,1%	12,1%	11,8%	14,8%
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	19,3%	0,4%	10,9%	8,2%	10,2%	13,9%
Chỉ số giá tiêu dùng	2,53%	3,35%	4,65%	5,46%	5,60%	4,69%
Lạm phát cơ bản	3,19%	3,74%	3,96%	4,66%	4,67%	4,50%

Nguồn: nso.gov.vn/VNBA tổng hợp

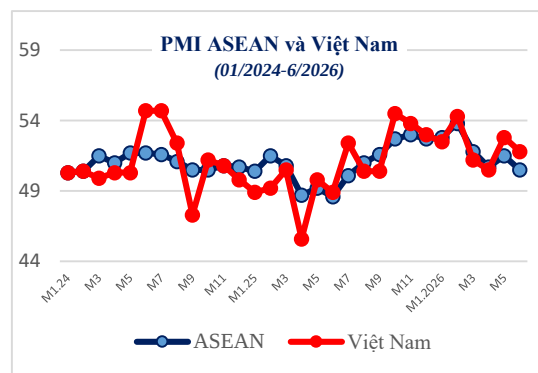
1.2. Điểm sáng kinh tế vĩ mô quý II/2026 và 6 tháng đầu năm

Kinh tế vĩ mô Việt Nam trong quý II và 6 tháng đầu năm 2026 ghi nhận tốc độ tăng trưởng rất ấn tượng, phản ánh đà phục hồi mạnh mẽ bất chấp những biến động và rủi ro từ chuỗi cung ứng toàn cầu.

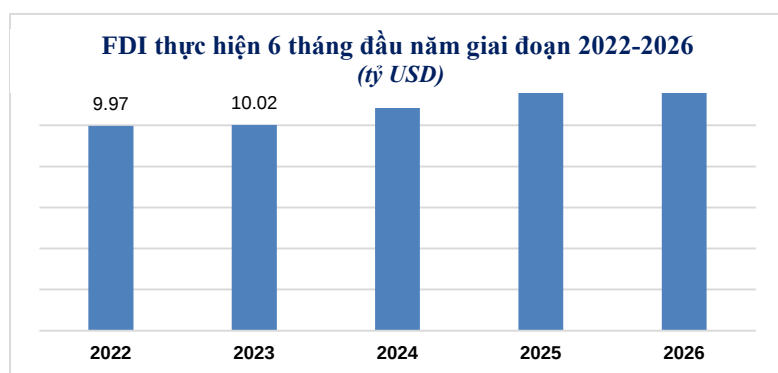
*Tốc độ tăng trưởng kinh tế là điểm nhấn lớn nhất trong nửa đầu năm 2026, tạo nền tảng vững chắc hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai chữ số của cả giai đoạn. GDP quý II/2026 tăng trưởng bứt phá mạnh mẽ ở mức 8,39% so với cùng kỳ năm trước (cải thiện đáng kể so với mức tăng 7,94% của quý I). Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, GDP Việt Nam tăng 8,18% so với cùng kỳ (cùng kỳ 2025 tăng 7,63%). Đây là mức tăng trưởng nửa đầu năm tích cực nhất trong những năm gần đây.

*Sức khỏe của ngành sản xuất tiếp tục được cải thiện vững chắc nhờ nhu cầu đơn hàng quốc tế quay trở lại. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp trong 6 tháng đầu năm tăng 9,86% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp tới 40,35% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,23%.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 6/2026 duy trì đà tăng trưởng ổn định ở mức 51,8 điểm - đánh dấu sự mở rộng liên tục của hoạt động sản xuất.



Nguồn: S&P Global, VNBA tổng hợp



Nguồn: nso.gov.vn

* Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là điểm đến đầu tư an toàn và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư dòng vốn thế hệ mới. Vốn FDI thực hiện đạt 13,03 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm (tăng 11,2% yoy) - mức cao nhất của giai đoạn 6 tháng đầu năm tính từ năm 2022 đến nay.

Vốn FDI đăng ký tăng trưởng bùng nổ lên tới 61%, tạo dòng vốn gối đầu dồi dào cho các quý tiếp theo.

* Hoạt động ngoại thương tăng trưởng mạnh mẽ với tổng mức kim ngạch xuất nhập khẩu 6 tháng đầu năm ước đạt gần 550 tỷ USD, chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ ở cả hai chiều xuất và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ (lần lượt tăng 20,18% và 26,44%).

Dù cán cân thương mại 6 tháng ghi nhận nhập siêu 16,65 tỷ USD. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện tại, đây còn là một tín hiệu tích cực. Tốc độ tăng nhập khẩu cao hơn xuất khẩu chủ yếu tập trung vào nhóm hàng máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của khối FDI. Điều này phản ánh nhu cầu đầu vào đang mở rộng mạnh, tích lũy năng lực sản xuất cho chu kỳ bứt phá cuối năm.

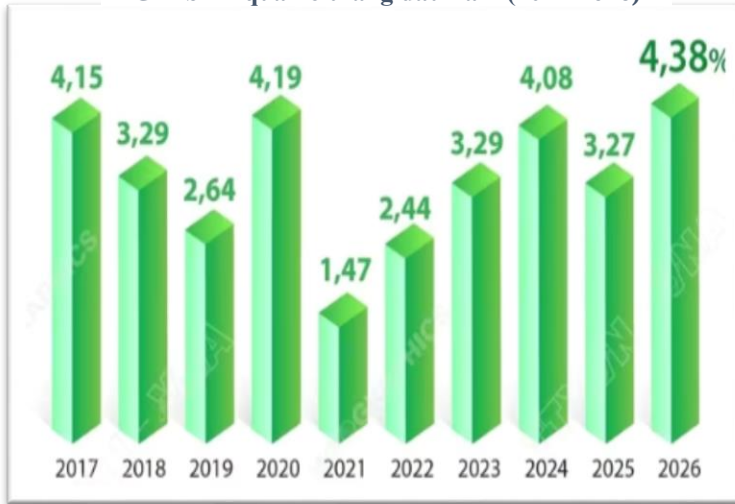
* Ngành dịch vụ và du lịch tiếp tục đóng góp lớn vào tiêu dùng và tăng trưởng tổng thể. Lượng khách quốc tế tháng 6/2026 đạt khoảng 1,7 triệu lượt, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong 6 tháng đầu năm, Việt Nam đón gần 12,3 triệu lượt khách quốc tế (tăng 14,9%), hoàn thành gần 50% kế hoạch đề ra cho cả năm 2026.

1.3. Một số diễn biến và thách thức đáng chú ý

* Mặc dù mức trong quý II tăng GDP 8,18% - vượt nhiều kỳ vọng của các định chế tài chính quốc tế - nhưng khoảng cách đến mục tiêu tăng trưởng tối thiểu 10% cả năm theo Nghị quyết Chính phủ vẫn là một thách thức (còn thấp hơn mục tiêu kịch bản điều hành cơ sở đề ra cho giai đoạn này là 9,7%). Số liệu mới nhất cho

thấy có tới 25/34 địa phương trọng điểm đang có mức tăng trưởng thực tế thấp hơn mục tiêu. Tăng trưởng vĩ mô hiện tại phụ thuộc rất lớn vào một số đầu tàu công nghiệp lớn (như TP.HCM tăng 8,55%) và khối FDI, trong khi năng lực nội sinh của khu vực kinh tế tư nhân nội địa tại nhiều tỉnh thành chưa bứt phá đồng đều. Để cân đích hai con số, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng cuối năm bắt buộc phải tiệm cận mức 11,9% - một áp lực rất lớn lên các cấu phần điều hành vĩ mô.

CPI bình quân 6 tháng đầu năm (2017-2026)

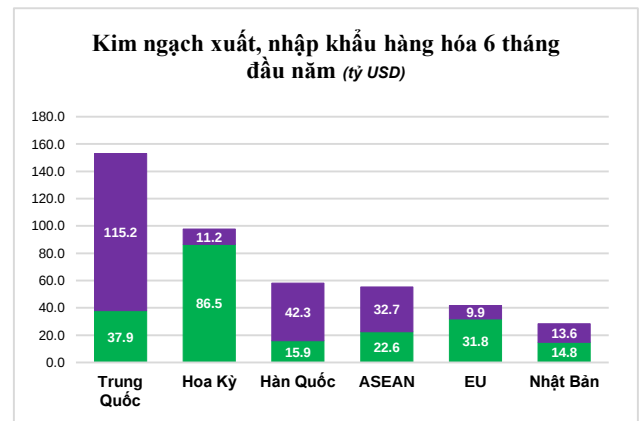


Nguồn: nso.gov.vn; VNBA tổng hợp

* Chỉ số CPI toàn phần bình quân 6 tháng đầu năm 2026 tăng 4,38% yoy; lạm phát cơ bản tăng 4,12%.

Tuy nhiên, CPI bình quân quý II tăng tới 5,25% so cùng kỳ - vượt qua mức trần mục tiêu 4,5% do Quốc hội đề ra. Trong đó, các yếu tố chính đẩy CPI tăng cao trong 6 tháng qua là Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (tăng 4,79%, góp tăng CPI chung 1,72 điểm %), Nhóm nhà ở, điện nước và vật liệu xây dựng (tăng 6,72%, góp tăng 1,53 điểm %), riêng vật liệu xây dựng tăng mạnh 14,12% do nguồn cung hạn chế. Nhóm giao thông tăng 5,23% khi giá nhiên liệu nội địa ngấm độ trễ từ cú sốc giá dầu thế giới...

* Cán cân thương mại đảo chiều nhập siêu kỷ lục và rủi ro rà soát thuế quan. Nền kinh tế ghi nhận mức nhập siêu lên tới 16,65 tỷ USD (trong khi cùng kỳ năm ngoái xuất siêu 7,95 tỷ USD), thâm hụt ngoại tệ tạo ra áp lực chi phí đẩy và là trở ngại với cân đối cung - cầu ngoại tệ ngắn hạn, trực tiếp gây áp lực với tỷ giá USD/VND. Nền sản xuất phụ thuộc lớn vào linh kiện và nguyên liệu nhập khẩu, do đó khi tỷ giá căng thẳng, chi phí đầu vào của doanh nghiệp sẽ bị đội lên, trực tiếp bào mòn biên lợi nhuận của khu vực sản xuất trong nước. Đáng chú ý, khoản thặng dư thương mại song phương với Mỹ hiện khoảng trên 75 tỷ USD (+21,3%) đặt Việt Nam trước sự giám sát của USTR theo Mục 301 ngay từ tháng 7/2026, đặc biệt ở các nhóm ngành dệt may, giày dép, gỗ và nội thất.



Nguồn: nso.gov.vn (tím: nhập khẩu, xanh: xuất khẩu)

* Bức tranh doanh nghiệp còn có sự phân hóa đáng kể. Trong 6 tháng đầu năm có gần 170 nghìn doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường (+11,2% yoy). Tuy vậy, ở chiều ngược lại, số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trên 151 nghìn doanh nghiệp (+18,8% yoy). Bình quân mỗi tháng có 25,2 nghìn doanh nghiệp đóng cửa, phản ánh quá trình thanh lọc khốc liệt và tái cơ cấu cấu trúc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) trước sức ép chi phí đầu vào tăng cao.

Trước những thách thức này, nhiều quan điểm cho rằng chính sách tài khóa mở rộng (đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên) phải đóng vai trò chủ đạo, san sẻ áp lực với chính sách tiền tệ - vốn đang bị thu hẹp dư địa do lạm phát đã sát trần trong việc giải quyết bất cập giữa ba mục tiêu: Thúc đẩy tăng trưởng - Kiểm soát lạm phát - Ổn định tỷ giá trong giai đoạn còn lại của năm.

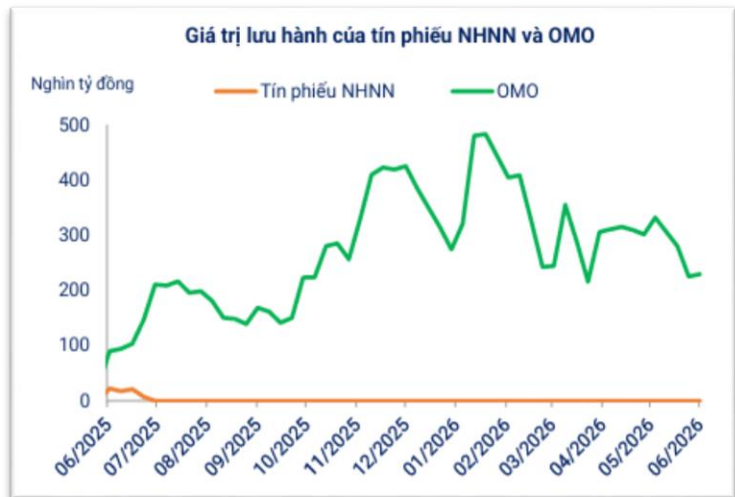
2. Thị trường tiền tệ

Những diễn biến trong nước và các cú sốc bên ngoài đã có những tác động lớn trên thị trường tài chính, tiền tệ Việt Nam trong quý II/2026 và nhìn chung cả 6 tháng đầu năm 2026. Tuy nhiên, trước những thách thức, sự can thiệp linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã giúp duy trì sự ổn định vĩ mô.

2.1. Thanh khoản hệ thống đối diện sức ép nhưng được duy trì trạng thái “tốt”

Trong nửa đầu năm, ngành Ngân hàng đã bơm khoảng 1,4 triệu tỷ đồng vào nền kinh tế, khiến tốc độ tăng trưởng tín dụng cao hơn nhiều so với huy động vốn và đẩy tỷ lệ cho vay trên huy động (LDR) lên cao. Thêm vào đó, thâm hụt cán cân thanh toán tổng thể 1,078 tỷ USD trong quý I/2026 đã chấm dứt chuỗi 3 quý thặng dư liên tiếp, làm gia tăng áp lực thanh khoản VND.

Dù vậy, theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh, các tổ chức tín dụng (TCTD) nhận định thanh khoản hệ thống quý II/2026 tuy có biểu hiện thu hẹp nhẹ nhưng nhìn chung vẫn duy trì ở trạng thái “tốt” và dự báo sẽ tiếp tục cải thiện trong quý III.



Nguồn: VBMA

2.2. Lãi suất liên ngân hàng nhiều nhịp biến động mạnh trong quý II/2026

Phản ứng với sức ép thanh khoản cục bộ, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ghi nhận nhiều nhịp biến động mạnh. Sau khi lập đỉnh kỷ lục trong quý I (lãi suất qua đêm vọt lên mức 8,72% - 9,1%), mặt bằng lãi suất đã dịu lại vào quý II/2026 nhưng vẫn neo cao.



Nguồn: VBMA

Đặc biệt, vào tuần cuối tháng 5/2026, lãi suất qua đêm có thời điểm áp sát mức 8%. Đến cuối tháng 6, lãi suất giảm sâu về vùng đáy 4 tháng (2,85% - 2,91%), nhưng lập tức bật tăng lên mức 5,67% - 7,25% vào đầu tháng 7/2026 do áp lực mùa vụ chốt số liệu cuối quý.

Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng cao đã lan tỏa sang thị trường huy động vốn từ dân cư. Khảo sát trong tháng 6 và đầu tháng 7/2026 cho thấy lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng tại nhiều nơi đã được đẩy lên mức 6,2% - 7%/năm để thu hút nguồn vốn dài hạn.

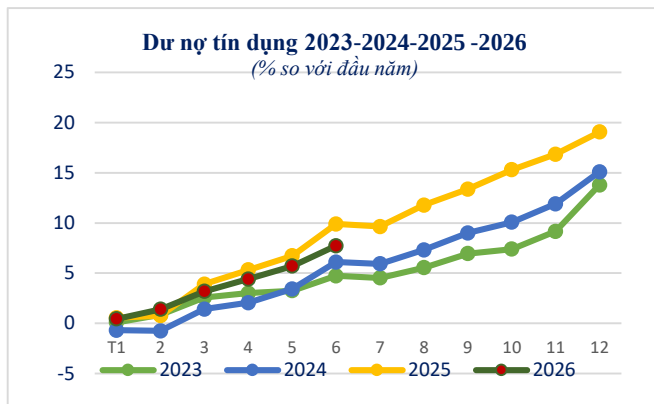
2.3. Tỷ giá USD/VND được đảm bảo ổn định

Mặc dù chỉ số DXY tăng 2,68%, tỷ giá liên ngân hàng USD kết thúc tháng 6/2026 neo quanh mức 26.297 – 26.300 VND/USD, chỉ tăng vồn vện 0,03% so với cuối năm 2025.

Tuy nhiên, trong quý II/2026, thị trường đã trải qua giai đoạn chịu áp lực rõ nét khi tỷ giá đạt đỉnh 26.368 VND/USD (cuối tháng 5/2026). Đáng chú ý là dòng vốn đầu cơ ngoại tệ trong dân cư có dấu hiệu hạ nhiệt khi giá USD trên thị trường tự do có thời điểm giảm mạnh, thậm chí thấp hơn giá niêm yết tại các ngân hàng thương mại.

2.4. Tín dụng tăng nhanh, dòng vốn dịch chuyển mạnh vào sản xuất

Tính đến cuối tháng 6/2026, tăng trưởng tín dụng bứt phá mạnh mẽ, đạt khoảng 7,41% - 7,73%, đưa tổng quy mô dư nợ toàn hệ thống xấp xỉ 20 triệu tỷ đồng.



Nguồn: NHNN, VNBA tổng hợp

Một tín hiệu kinh tế quan trọng là sự chuyển dịch dòng vốn khi nhu cầu vay vốn của nhóm khách hàng tổ chức kinh tế đã vượt qua nhóm khách hàng cá nhân để trở thành động lực tăng trưởng chính. Cơ cấu tín dụng cũng tập trung vào khu vực sản xuất kinh doanh với tỷ trọng xấp xỉ 77%; vào các lĩnh vực khác như bất động sản 25,73% (chủ yếu tập trung phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và các dự án thiết yếu); Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn 22,09%; Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) 19,84%; Tín dụng xuất khẩu 20,53%; Doanh nghiệp công nghệ cao 26,36% so với cùng kỳ.

Về chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu nội bảng toàn hệ thống đến cuối tháng 5/2026 duy trì ở mức 3,43%. Nếu loại trừ 5 ngân hàng đang bị kiểm soát, con số này ở mức rất an toàn là 1,55%. Mặc dù tốc độ giảm nợ xấu có biểu hiện chững lại trong quý II/2026, các TCTD vẫn kỳ vọng chất lượng tài sản sẽ cải thiện trở lại trong quý III/2026.

2.5. Chính sách tiền tệ linh hoạt

Chính sách tiền tệ 6 tháng đầu năm 2026 có tính linh hoạt cao, chuyển dịch qua 3 giai đoạn: (i) Bơm ròng kỷ lục hỗ trợ mùa cao điểm (tháng 1 - 2), (ii) Đảo chiều hút ròng bằng tín phiếu để bảo vệ tỷ giá (tháng 3 - giữa tháng 5), và (iii) Phối hợp bơm/hút đan xen gặt gao (cuối tháng 5 - tháng 6). Đáng chú ý, cuối tháng 6/2026, NHNN đã mở kênh hoán đổi ngoại tệ (FX Swap) 1 tỷ USD, bơm thêm gần 24.000 tỷ đồng vào hệ thống.

Song song đó, hàng loạt động thái kỹ thuật mang tính "cởi trói" đã được ban hành:

- Thông tư số 25/2026 nâng trần tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (SFL) từ 30% lên 40%.
- Nghị quyết số 168/NQ-CP dỡ bỏ trần giới hạn tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại các NHTM, giải phóng ước tính 700 nghìn tỷ đồng thanh khoản.
- Công văn số 5386/NHNN-TD, theo đó từ 29/5/2026, dư nợ cho vay nhà ở xã hội, khu công nghiệp và 18 dự án hạ tầng trọng điểm được loại trừ khi tính room tín dụng định hướng...

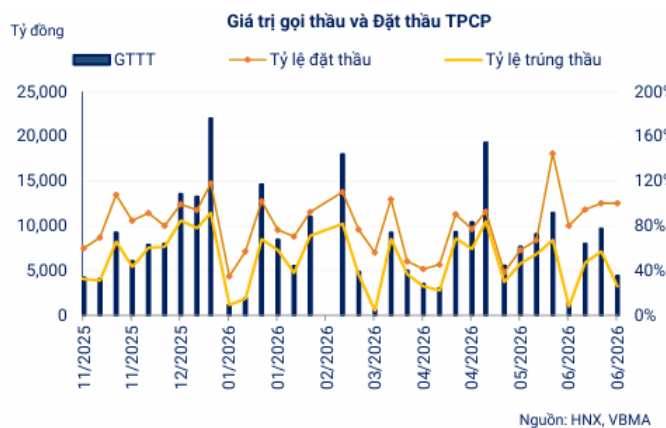
Theo kết quả khảo sát mới nhất của NHNN (tháng 7/2026), các TCTD tỏ ra khá lạc quan với triển vọng kinh doanh 2026. Có tới 84,1% TCTD kỳ vọng lợi nhuận trước thuế năm 2026 sẽ tăng trưởng dương và dự báo tăng trưởng bình quân huy động vốn cũng như tín dụng đạt 4,2% riêng trong quý III/2026. Tình trạng khan hiếm nhân lực dù bất khi tỷ lệ TCTD thiếu lao động tại cuối quý II giảm xuống còn 23,9% (thấp hơn mức 27,2% của quý I). Trong quý II, xu hướng mở rộng quy mô nhân sự chiếm chủ đạo với 43,9% TCTD tuyển thêm lao động và dự kiến sẽ tiếp tục duy trì đà tuyển dụng này trong nửa cuối năm nay.

3. Thị trường trái phiếu, cổ phiếu

3.1. Trái phiếu Chính phủ (TPCP)

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã huy động được 182.561 tỷ đồng, mới chỉ hoàn thành 37% kế hoạch phát hành của cả năm. Khối lượng phát hành vẫn tập trung cao độ vào các kỳ hạn dài nhằm tối ưu hóa cơ cấu nợ công; điển hình trong tháng 6, riêng kỳ hạn 10 năm và 5 năm đã chiếm tỷ trọng áp đảo, lần lượt là 58% (tương đương 13.520 tỷ đồng) và 39% (tương đương 9.050 tỷ đồng) tổng giá trị phát hành. Việc tiến độ huy động chưa tới 40% cho thấy áp lực gọi thầu trong nửa cuối năm để phục vụ giải ngân đầu tư công sẽ gia tăng đáng kể.

Lãi suất trúng thầu có xu hướng tăng rõ rệt vào cuối quý II. Cụ thể, so với tháng 5, lãi suất trúng thầu tháng 6/2026 của toàn bộ 5 kỳ hạn (3 năm, 5 năm, 10 năm, 15 năm và 30 năm) đều tăng. Trong đó, kỳ hạn 5 năm tăng mạnh nhất với 18 điểm cơ bản (lên mức 4,18%/năm), và kỳ hạn 10 năm tăng 10 điểm cơ bản (lên mức 4,35%/năm).



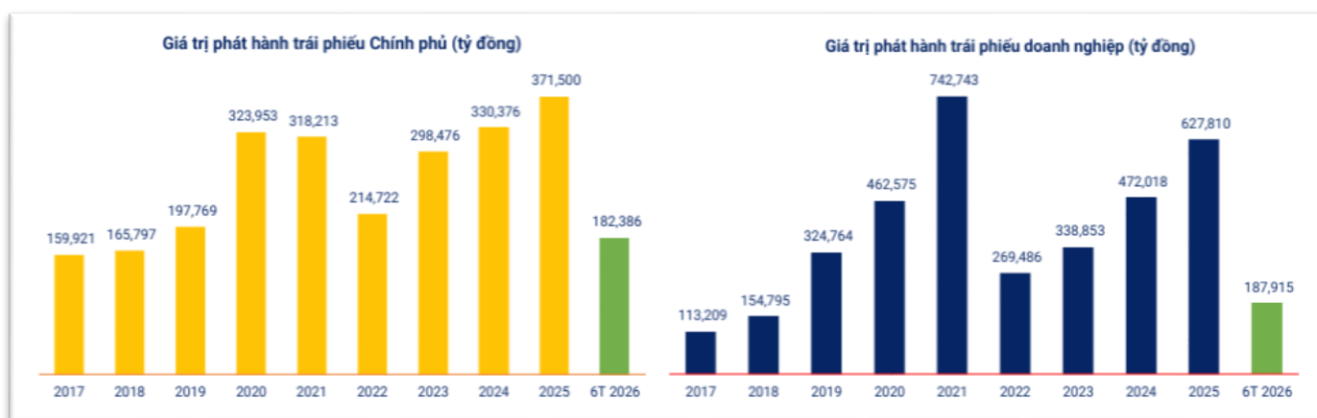
Điều này phản ánh việc nhà đầu tư đang yêu cầu một mức bù đắp rủi ro cao hơn trước các áp lực về tỷ giá và kiểm soát lạm phát.

Thanh khoản bùng nổ là điểm sáng nhất của TPCP. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, giá trị giao dịch bình quân đạt 16.369 tỷ đồng/phần, tăng 10,2% so với mức bình quân của cả năm 2025. Tính đến cuối tháng 6/2026, tổng giá trị niêm yết TPCP đạt quy mô khổng lồ là 2.715.370 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài dù sụt giảm nhẹ nhưng họ vẫn duy trì trạng thái mua ròng (đạt 722 tỷ đồng trong

tháng 6).

3.2. Trái phiếu Doanh nghiệp

Nhu cầu huy động vốn trung và dài hạn của doanh nghiệp đang phục hồi một cách thực chất. Chỉ trong 5 tháng đầu năm 2026, tổng lượng phát hành TPDN đã vượt mốc 127.000 tỷ đồng. Điểm nhấn lớn nhất là lượng phát hành trái phiếu của nhóm doanh nghiệp bất động sản đã tăng trưởng gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái.



Nguồn: VBMA

Để giải quyết bài toán thanh khoản và bổ sung nguồn vốn trung dài hạn, hàng loạt ngân hàng thương mại đang dồn lực phát hành trái phiếu. Đáng chú ý, mức lãi suất trái phiếu ngân hàng được đẩy lên rất hấp dẫn, có trường hợp chạm ngưỡng 10%/năm, bỏ xa mặt bằng lãi suất tiết kiệm truyền thống.

Nửa đầu năm 2026 đánh dấu sự xuất hiện của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Khung pháp lý này được thị trường đánh giá cao khi bổ sung nhiều quy định vừa tăng tính linh hoạt cho tổ chức phát hành, vừa siết chặt kỷ luật, từ đó tạo nền tảng vững chắc để thu hút vốn phục vụ mục tiêu tăng trưởng.

Trải qua 6 tháng đầu năm 2026, thị trường trái phiếu đã cởi bỏ được lớp áo "ảm đạm" để bước sang chu kỳ tăng trưởng mới nhờ các bộ đỡ chính sách vĩ mô. Tuy nhiên, chi phí huy động vốn đang cho thấy dấu hiệu tăng cao hơn ở cả hai khu vực. Bước sang nửa cuối năm, thị trường sẽ đứng trước hai luồng lực đẩy: Một mặt là áp lực đẩy mạnh khối lượng huy động hơn 60% kế hoạch còn lại của Kho bạc Nhà nước, mặt khác là sự phân hóa và thanh lọc gắt gao của thị trường TPDN dưới sự kiểm soát của Nghị định 200/2026/NĐ-CP.

3.3. Thị trường cổ phiếu

6 tháng đầu năm 2026 là một chuyến tàu lượn siêu tốc. Nếu quý I chứng kiến sự bùng nổ khi VN-Index lần đầu vượt mốc lịch sử 1.900 điểm, thì quý II lại là giai đoạn rung lắc và thoái lui để tìm điểm cân bằng mới.

Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của quý II (30/6/2026), VN-Index đóng cửa ở mức 1.860,01 điểm. Dù đã điều chỉnh so với đỉnh quý I, chỉ số vẫn giữ được nền tảng khá vững chắc nhờ lực đỡ từ các nhóm cổ phiếu trụ cột (vốn hóa Bất động sản và Ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, lần lượt là 31,4% và 29,7%).



Nguồn: Vietstock

Tổng giá trị giao dịch toàn thị trường quý II ước đạt 1.377 nghìn tỷ đồng, giảm khoảng 24% so với quý I. Mức giảm của dòng tiền chủ động (khớp lệnh) trên HOSE còn sâu hơn, giảm tới 31%. Thanh khoản bình quân tháng 6/2026 chỉ đạt hơn 18.419 tỷ đồng/phiên. Chỉ tính riêng trong tháng 6/2026, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 14.904

tỷ đồng (tổng giá trị giao dịch chiếm khoảng 13,84% toàn thị trường). Nếu cộng cả mức bán ròng hơn 31.000 tỷ đồng của quý I, áp lực xả hàng từ khối ngoại trong nửa đầu năm là rất lớn.

Tóm lại, thị trường 6 tháng đầu năm 2026 phản ánh tâm lý "phòng thủ" của dòng tiền ngắn hạn trước áp lực bán ròng của khối ngoại và những biến số toàn cầu, bất chấp nền tảng vĩ mô trong nước đang tăng trưởng rực rỡ. Động lực lớn nhất để thị trường bứt phá trong nửa cuối năm nay sẽ xoay quanh kết quả kinh doanh quý II, sự kỳ vọng vào nâng hạng thị trường (FTSE Russell) và khả năng đảo chiều của dòng vốn ngoại.

4. Hoạt động ngân hàng thương mại

4.1. Tình hình tăng vốn điều lệ

Trong nửa đầu năm 2026, làn sóng tăng vốn điều lệ tiếp tục diễn ra sôi động trên toàn hệ thống ngân hàng. Các ngân hàng từ nhóm quốc doanh đến tư nhân đều đẩy mạnh các kế hoạch phát hành cổ phiếu (trả cổ tức, chào bán cho cổ đông hiện hữu, ESOP...) để gia tăng năng lực tài chính.

Những động lực chính thúc đẩy tăng vốn:

- Đáp ứng chuẩn an toàn vốn: Chuẩn bị cho các yêu cầu khắt khe hơn về an toàn vốn theo lộ trình tiệm cận Basel III.
- Dự địa tăng trưởng tín dụng: Ngành ngân hàng đang bước vào giai đoạn tăng trưởng tín dụng cao, đòi hỏi bộ đệm vốn dày để duy trì hoạt động.
- Thay đổi quy định pháp lý: Các quy định về vốn và thanh khoản mới (như Thông tư 14/2025/TT-NHNN và các dự thảo sửa đổi Thông tư 22) đặt ra tiêu chuẩn cao hơn về vốn cấp 1 và thanh khoản.
- Xu thế phát triển ngân hàng số đòi hỏi nguồn lực đầu tư khổng lồ vào hạ tầng công nghệ. Do đó, phần lớn các ngân hàng chọn giải pháp trả cổ tức bằng cổ phiếu hoặc giữ lại lợi nhuận để gia tăng năng lực tài chính thay vì chia cổ tức bằng tiền mặt.

Trong nửa đầu năm 2026 ghi nhận sự bứt tốc mạnh mẽ tăng vốn của cả nhóm ngân hàng quốc doanh lẫn khối tư nhân. Trong đó, 4 ngân hàng lớn đang nhắm tới câu lạc bộ vốn điều lệ 100.000 tỷ đồng. VietinBank kỳ vọng đưa vốn điều lệ vượt mốc 105.000 tỷ đồng từ nguồn lợi nhuận giữ lại 2023-2024. Vietcombank đang chờ cơ quan quản lý "bật đèn xanh" phương án phát hành hơn 1,07 tỷ cổ phiếu từ quỹ dự trữ để đưa vốn lên hơn 94.238 tỷ đồng, và tiếp tục nhắm đến mốc 100.000 tỷ. Agribank, ngân hàng thương mại 100% vốn nhà nước, giữ vai trò chủ lực trong việc cung ứng tín dụng cho khu vực "Tam nông" (nông nghiệp, nông dân, nông thôn) và nền kinh tế nói chung. Theo các nghị quyết đã được Quốc hội thông qua và các quyết định cấp

bổ sung vốn từ Ngân sách Nhà nước, quy mô vốn điều lệ của Agribank hiện là 51.638 tỷ đồng. Theo quyết định mới nhất được Chính phủ duyệt, tổng số vốn điều lệ của Agribank sẽ tăng lên 81.328 tỷ đồng đến năm 2027.

Vốn điều lệ các ngân hàng đến tháng 6/2026

TT	Ngân hàng	Vốn điều lệ (tỷ đồng, đến 6/2026)	Ghi chú cập nhật
1	Vietcombank	83.557	Đang chờ duyệt tăng lên 94.238 tỷ đồng. Nhắm mốc 100.000 tỷ.
2	MB	80.550	Đang triển khai phương án tăng lên 102.687 tỷ đồng (Top 1).
3	VPBank	79.339	Đã chốt phương án tăng lên 100.000 tỷ đồng.
4	VietinBank	77.700	Kế hoạch tăng vượt 105.000 tỷ đồng.
5	Techcombank	70.862	Top 2 nhóm TMCP tư nhân sau các đợt chia cổ tức khủng.
6	BIDV	70.200	Được duyệt tăng thêm, hướng tới 91.870 tỷ.
7	ACB	58.044	Đã hoàn tất tăng vốn vào giữa tháng 6/2026.
8	SHB	53.437	Đã hoàn tất 2 đợt phát hành vào tháng 5/2026.
9	HDBank	50.000	Tăng trưởng ổn định để duy trì CAR cao.
10	Agribank	51.638	100% vốn Nhà nước. Lộ trình cấp bổ sung từ Ngân sách lên trên 81.000 tỷ đến 2027.
11	SeABank	34.288	Đã hoàn tất phát hành cổ phiếu thưởng.
12	VIB	34.000	Động lực tăng trưởng mạnh trong nhóm tư nhân.
13	LPBank	29.900	Đang triển khai các đợt phát hành mới.
14	OCB	26.631	Đã chốt quyền (01/07) tăng lên 30.625 tỷ đồng.
15	TPBank	22.016	Duy trì nền tảng vốn vững chắc.
16	Nam A Bank	21.588	Đã phát hành xong ESOP (tháng 6/2026). Hướng tới 22.588 tỷ.
17	MSB	20.000	-
18	Sacombank	18.852	Đứng yên 10 năm do trọng diện tái cơ cấu.
19	ABBank	13.972	Đã có kế hoạch tăng lên 20.085 tỷ đồng.
20	Eximbank	12.355	-
21	Vietbank	10.769	Bắt đầu phát hành để lên 11.846 tỷ đồng (và mục tiêu 15.548 tỷ).
22	Bac A Bank	8.959	-
23	NCB	5.601	Đang củng cố bộ đệm vốn.
24	Viet A Bank	5.399	-
25	BVBank	5.016	-
26	KienlongBank	3.652	-
27	Saigonbank	3.080	-
28	PGBank	3.000	-

Nguồn: VNBA tổng hợp

MB đang triển khai kế hoạch tăng vốn quy mô "khủng" thêm hơn 22.137 tỷ đồng, thông qua 3 cấu phần (trả cổ tức 15%, chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ). VPBank là ngân hàng bứt tốc nhanh nhất trong 10 năm qua (tăng gấp gần 10 lần từ 2015), đang lên kế hoạch chia thưởng cổ phiếu tỷ lệ 26,04%, qua đó đưa vốn điều lệ từ 79.339 tỷ đồng lên mức 100.000 tỷ đồng.

Nhiều ngân hàng còn lại cũng đã hoàn tất chốt danh sách tăng vốn như: BIDV (lên mức 91.870 tỷ), ACB (vừa hoàn tất nâng lên 58.044 tỷ), SHB (hoàn tất lên 53.437 tỷ), Techcombank (đã vượt lên mốc hơn 70.862 tỷ). Ở nhóm quy mô trung bình, các ngân hàng như SeABank, OCB, HDBank, Nam A Bank hay ABBank đều có tốc độ mở rộng vốn ấn tượng.

4.2. Tình hình kinh doanh ngân hàng 6 tháng đầu năm

Theo khảo sát mới nhất của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), 84,1% tổ chức tín dụng kỳ vọng lợi nhuận năm 2026 sẽ tăng trưởng dương. Lợi nhuận toàn Ngành được các chuyên gia dự báo tăng trung bình khoảng 15% - 18% trong năm nay. Dòng vốn đang được định hướng chảy mạnh vào các dự án đầu tư tài sản cố định và hạ tầng. Dù rất lạc quan về lợi nhuận, các ngân hàng đã chủ động hạ nhẹ kỳ vọng tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2026 xuống mức 14,5% và huy động vốn xuống 14,3% (giảm khoảng 1,5 điểm % so với các kỳ khảo sát trước).

Nửa đầu năm 2026 chứng kiến những thay đổi cục diện топ đầu. Lần đầu tiên quy mô tổng tài sản của VietinBank cán mốc 3 triệu tỷ đồng, dự báo sẽ vượt qua Vietcombank để chiếm vị trí quán quân lợi nhuận hệ thống trong quý II/2026 (ước tính đạt 14.500 – 15.417 tỷ đồng LNTT, tăng 25-40%). VietinBank có tốc

độ tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản cải thiện và kỳ vọng đạt lợi nhuận cao (khoảng 5.000 tỷ) từ việc chuyển nhượng VietinBank Tower.

Bên cạnh đó, với nguồn vốn huy động đạt trên 2,5 triệu tỷ, dư nợ cho vay của Agribank lần đầu tiên vượt mốc 2 triệu tỷ đồng. Trong nhóm cổ phần tư nhân, MB đang bám sát Techcombank và VPBank và có khả năng vào Top 3 lợi nhuận toàn hệ thống trong 6 tháng đầu năm nay.

Tính đến thời điểm hiện tại (đầu tháng 7/2026), phần lớn các ngân hàng vẫn đang trong giai đoạn chốt số liệu báo cáo tài chính quý II/2026. Tuy nhiên, qua thông tin thu thập và dự báo mới nhất từ một số định chế tài chính uy tín (SSI Research, MBS, VCBS, VDSC), bức tranh lợi nhuận ngân hàng 2026 đã phần nào phản ánh sự phân hóa rất rõ nét.

Dự báo kết quả kinh doanh quý II/2026 của một số ngân hàng

Ngân hàng	Dự báo/Uớc tính LNTT Q2/2026 (tỷ đồng)	Tăng trưởng Q2 (% yoy)
VietinBank (CTG)	13.800 - 15.417	+14% đến +27%
Vietcombank (VCB)	12.200 - 12.611	+11% đến +14%
VPBank (VPB)	10.000 - 10.400	+64% đến +67%
MB (MBB)	9.200 - 10.000	+23% đến +33%
BIDV (BID)	9.400 - 9.698	+9% đến +12%
Techcombank (TCB)	8.839	+12% đến +16%
HDBank (HDB)	6.800	+44%
MSB (MSB)	2.287 - 2.500	+48% đến +62%
TPBank (TPB)	2.550	+25%
OCB (OCB)	1.350	+35%
Sacombank (STB)	1.666 - 4.500	Giảm 5% đến 20%

VNBA tổng hợp

Theo khảo sát mới nhất của NHNN, các TCTD nhận định tình hình kinh doanh tổng thể và lợi nhuận trước thuế của hệ thống ngân hàng trong quý II/2026 tiếp tục có sự cải thiện so với quý trước và duy trì tương đối ổn định. Có 84,1% TCTD kỳ vọng lợi nhuận trước thuế tăng trưởng dương so với năm 2025, bên cạnh đó, vẫn có 10,6% TCTD lo ngại lợi nhuận tăng trưởng âm trong năm 2026 và 5,3% TCTD kỳ vọng lợi nhuận không thay đổi."

Tuy vậy, trong 6 tháng cuối năm, các ngân hàng vẫn có thể phải đối diện với một số rủi ro: (*) Tốc độ cho vay đang tăng nhanh hơn đáng kể so với huy động khiến tỷ lệ LDR (Dư nợ/Huy động) toàn hệ thống đang ở mức rất cao (111 - 112%), buộc nhiều ngân hàng thương mại tư nhân phải tìm cách tăng lãi suất huy động, gây sức ép thu hẹp biên lãi thuần (NIM); (**) Tỷ lệ nợ xấu quý II/2026 có dấu hiệu đi ngang hoặc cải thiện nhẹ, nhưng việc Nghị quyết 42 về thí điểm xử lý nợ xấu hết hiệu lực, gây khó khăn trong việc phát mãi tài sản đảm bảo gặp nhiều vướng mắc pháp lý. Điều này đòi hỏi các ngân hàng phải tiếp tục mạnh tay trích lập dự phòng rủi ro.

5. Chuyển đổi số và phát triển công nghệ ngân hàng

5.1. Chuyển dịch mô hình mạnh mẽ

Trong nửa đầu năm 2026, ngành Ngân hàng tiếp tục chứng kiến quá trình chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình số hóa dịch vụ cơ bản sang xây dựng hệ sinh thái tài chính số toàn diện, lấy dữ liệu và an toàn bảo mật làm trọng tâm.

Tỷ lệ giao dịch trên kênh số đạt mức kỷ lục. Tại nhiều tổ chức tín dụng dẫn dắt thị trường, tỷ lệ giao dịch của khách hàng được thực hiện hoàn toàn qua các kênh số đã chạm mốc trên 90%.

Tỷ lệ tự động hóa quy trình (RPA) & Khách hàng số hóa cao hơn khi quá trình tinh gọn hệ thống vật lý diễn ra quyết liệt. Các ngân hàng lớn chủ động cắt giảm các phòng giao dịch truyền thống kém hiệu quả để thay thế bằng các mô hình tự động hóa RPA và AI trong vận hành nội bộ (như phê duyệt tín dụng, chấm điểm rủi ro tự động). Tỷ lệ người dân trưởng thành (từ 15 tuổi trở lên) sở hữu tài khoản ngân hàng số đạt gần 89%.

Số lượng sản phẩm dịch vụ trực tuyến toàn trình vượt trội khi người tiêu dùng dịch vụ hiện có thể thực hiện 100% online (từ đăng ký, xác thực đến phê duyệt và giải ngân) đối với hầu hết các dịch vụ cốt lõi: mở tài khoản bằng eKYC, mở thẻ tín dụng số, gửi tiết kiệm, và các khoản vay tiêu dùng nhỏ.

5.2. Thanh toán số tăng tốc

Thanh toán không dùng tiền mặt bùng nổ với tổng giá trị thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam đã vươn lên mức gấp khoảng 28 lần GDP. Giao dịch qua các kênh số tăng tốc vượt bậc (tính đến tháng 6/2026):

- Về Internet Banking: Đạt trên 1,58 tỷ món giao dịch với giá trị hơn 28,26 triệu tỷ đồng.
- Về Mobile Banking: Trở thành siêu ứng dụng (Super App), đạt hơn 4,69 tỷ món giao dịch với giá trị trên 21,57 triệu tỷ đồng.
- Giao dịch rút tiền mặt qua ATM liên tục suy giảm (giảm 6,4% về số lượng món).

Thanh toán QR xuyên biên giới (như dịch vụ VietQR Global) không ngừng được đẩy mạnh, cho phép khách du lịch quốc tế thanh toán trực tiếp bằng ứng dụng ngân hàng của nước họ tại Việt Nam và ngược lại, mở ra không gian thương mại số không biên giới.

Phát triển thanh toán xuyên biên giới của Việt Nam (đến tháng 5/2026)

Tổ chức triển khai	Mạng lưới Quốc gia / Vùng lãnh thổ	Hình thức & Tiện ích nổi bật
Hệ thống NAPAS (VIETQR Global)	Đã hoàn thiện: Thái Lan, Lào, Campuchia. Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapo. Dự kiến cuối 2026: Đài Loan. Tầm nhìn 2027: Malaysia.	- Thanh toán song phương bằng mã QR. - Dùng App ngân hàng Việt quét QR tại nước ngoài và ngược lại (tự động quy đổi tỉ giá).
Vietcombank hợp tác chiến lược với Alipay+)	Hơn 50 quốc gia, bao gồm: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hong Kong, Singapore, châu Âu, châu Mỹ...	- Ngân hàng đầu tiên tại VN cung cấp thanh toán QR Outbound tại hơn 50 thị trường. - Trừ trực tiếp tài khoản VND, không phí chuyển đổi ngoại tệ (ưu đãi hiện tại).
Các NHTM & Trung gian thanh toán (hơn 25 đơn vị)	Tích hợp sâu vào hệ sinh thái VIETQRGlobal, WeChat Pay, Alipay, Visa, Mastercard...	- Hỗ trợ các hộ kinh doanh, chợ truyền thống tại VN quét mã chấp nhận thanh toán từ khách quốc tế dễ dàng.

Nguồn: VNBA tổng hợp

5.3. SIMO lá chắn số của ngành Ngân hàng

Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán (SIMO) do NHNN quản lý đã chứng minh vai trò là "lá chắn số" thời gian thực hiệu quả nhất của Ngành.

Tính đến cuối tháng 6/2026, về quy mô bảo vệ, hệ thống đã phát ra hơn 4,4 triệu lượt cảnh báo rủi ro tài khoản đáng ngờ trực tiếp tới khách hàng; Đạt tỷ lệ ngăn chặn khi đã có hơn 1,5 triệu lượt khách hàng chủ động tạm dừng hoặc hủy bỏ giao dịch lừa đảo ngay sau khi nhận được tín hiệu cảnh báo từ hệ thống và tổng số tiền gian lận, lừa đảo được chặn đứng thành công, bảo vệ an toàn cho người dân đã chính thức vượt mốc 5.000 tỷ đồng.

Kho dữ liệu "danh sách đen" của SIMO (phối hợp giữa NHNN và Bộ Công an theo Đề án 06) góp phần làm sạch hơn 161,2 triệu hồ sơ khách hàng cá nhân bằng sinh trắc học, tuy nhiên do hạ tầng công nghệ lỗi không đồng đều giữa các ngân hàng nên số ngân hàng thương mại hoàn tất tích hợp API để cung cấp dịch vụ cảnh báo trực tiếp từ SIMO lên ứng dụng (App) của khách hàng vẫn chưa đầy đủ (mới có khoảng 13 ngân hàng cho đến tháng 6/2026).

Kinh tế Việt Nam đã qua nửa chặng đường năm 2026, thể hiện sức chống chịu xuất sắc với GDP 6 tháng bứt phá đạt 8,18%, duy trì vị thế dẫn đầu khu vực ASEAN nhờ đà phục hồi của sản xuất công nghiệp, dịch vụ du lịch và kỷ lục thu hút vốn FDI. Mặc dù vậy, nền kinh tế đang đối mặt với thách thức kép: lạm phát gia tăng (CPI quý II vượt mục tiêu, tăng 5,25%) và áp lực tỷ giá khi cán cân thương mại chuyển sang nhập siêu lớn. Trên thị trường tiền tệ, thanh khoản thu hẹp nhẹ đẩy mặt bằng lãi suất liên ngân hàng và lãi suất huy động tăng, song dòng vốn tín dụng vẫn duy trì mức tăng trưởng ấn tượng (trên 7,4%) và tập trung thực chất vào khu vực sản xuất kinh doanh.

Để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai chữ số cả năm, áp lực lên giai đoạn nửa cuối năm là rất lớn, đòi hỏi chính sách tài khóa mở rộng (giải ngân đầu tư công) phải là động lực chủ đạo để san sẻ không gian điều hành với chính sách tiền tệ. Lạm phát vào các quý cuối năm được kỳ vọng sẽ bớt căng thẳng hơn, tạo điều kiện cho ngành Ngân hàng duy trì đà tăng trưởng tín dụng và đạt mức lợi nhuận dự báo tăng trung bình khoảng 15% - 18%./

Thông tin, dữ liệu được tổng hợp từ nguồn của các tổ chức quốc tế (IMF, WB, ADB, WTO, OECD, UNCTAD, S&P Global, Bloomberg, Tradingeconomics...; và các tổ chức trong nước như VGA, NSO, SBV, MOF, VBMA, VIS, Fiin Group, Widata, MXV,...).

Thông tin liên hệ: BAN BIÊN TẬP BẢN TIN

Địa chỉ: 193 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0983.534.586; (024) 3 821 8733 | Email: vnba1994@gmail.com | Website: www.vnba.org.vn